

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2024/HSST
Ngày: 25/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Đình Hoàng

Bà Doãn Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 186/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2024/HSXXST-HS, ngày 13 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ; sinh ngày 07 tháng 7 năm 199x tại Gia Lai; Căn cước công dân số 06409600xxxx; Trú tại: Hẻm 1x Trường S, thôn x, xã Diên P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Thợ sắt; Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 197x và bà Đỗ Thị D, sinh năm 197x; bị cáo có vợ Lý Thị Phước H, sinh năm 199x và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 27/02/2024 bị Công an phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai từ ngày 27/5/2024 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

***Người làm chứng:**

Chị Phạm Ngọc H1, sinh năm 199x (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ x, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai

*** Người chứng kiến:**

Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 197x (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ x, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ sử dụng chất ma túy loại Methamphetamine từ khoảng thời gian tháng 8/2013. Thông qua mối quan hệ xã hội, Đ có được số điện thoại của người thanh niên tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) là người có bán ma túy. Khoảng 23 giờ ngày 26/5/2024, Đ nảy sinh ý định mua ma túy để sử dụng nên đã gọi điện thoại cho T hỏi mua ma túy thì T đồng ý và hẹn gặp nhau tại khu vực đầu hẻm số 1x đường Trường S, xã Diên P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau đó, Đ đi bộ đến khu vực đã hẹn và đã mua của T 03 gói nilon chứa ma túy loại Methamphetamine với giá 500.000 đồng, rồi cất giấu vào túi quần để khi cần thì lấy ra sử dụng. Khoảng 10 giờ ngày 27/5/2024, Đ đến nhà chị Phạm Ngọc H1 (ở số nhà 36/x đường Phạm Ngũ L, Tổ x, phường Trà B, thành phố P), để lấy máy cắt sắt do Đ gửi ở nhà chị H1 trước đó; khi đi, Đ đã mang theo 03 gói ma túy để khi nào cần thì sử dụng. Đến 11 giờ cùng ngày, khi Đ vừa vào đến nhà chị H1, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an tỉnh Gia Lai cùng lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố P đến kiểm tra; Đ định vứt 03 gói ma túy đi thì bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng, gồm: 01 gói giấy ô ly cuốn bên trong 03 gói nilon b chứa chất màu trắng dạng tinh thể (đã niêm phong theo quy định) và 01 điện thoại di động hiệu Realme màu tím đen kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 89840.48000.07869.3107).

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số 540 ngày 05/6/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự, kết luận: *“Toàn bộ chất màu trắng dạng tinh thể trong 03 (ba) gói nilon, trong bì công văn niêm phong gửi giám định là **ma túy**, loại **Methamphetamine**, khối lượng **0,8135 gam**”*.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 201/CT-VKS ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

*Về vật chứng của vụ án:

Chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu tím đen kèm thẻ sim (Mặt sim có dãy số 89840 48000 07869 3107) bị cáo sử dụng để liên lạc mua ma túy đề nghị HĐXX tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Đối với chất ma túy còn lại sau giám định được dán kín trong 01 bì công văn ghi số 540/PC09 ngày 05/6/2024 có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy.

Trước khi HĐXX nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình phạm tội, xin HĐXX xem xét, giảm hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm có cơ hội về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại hồ sơ, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 23 giờ ngày 26/5/2024, tại khu vực hẻm số 1x đường Trường S, xã Diên P, thành phố P, Nguyễn Văn Đ đã mua của đối tượng T (không rõ nhân thân, lai lịch) 03 gói nilon chứa ma túy (loại Methamphetamine) với giá 500.000 đồng rồi cất giấu vào trong túi quần. Đến 11 giờ ngày 27/5/2024, khi Đ đến nhà chị Phạm Ngọc H1 (ở số nhà 36/x đường Phạm Ngũ L, Tổ x, phường Trà B, thành phố P) và có mang theo 03 gói ma túy trên, với mục đích để sử dụng thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an tỉnh Gia Lai cùng lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng, gồm: 03 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể cùng 01 điện thoại di động kèm sim số mà Đ đã dùng để liên lạc mua ma túy.

Qua giám định, xác định: 03 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể mà Nguyễn Văn Đ tàng trữ để sử dụng là Methamphetamine có tổng khối lượng 0,8135 gam.

[2] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ mua, cất giữ 0,8135 gam chất ma túy loại Methamphetamine là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các loại chất ma túy, Nhà nước nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép. Tệ nạn ma túy là một hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe của con người, làm suy thoái nòi giống dân tộc, băng hoại đạo đức và phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nên Nhà nước có chính sách quản lý, kiểm soát chặt chẽ, nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được tác hại của tệ nạn ma túy, nhưng để thỏa mãn nhu cầu không lành mạnh của bản thân, đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi mua, cất giấu chất ma túy để sử dụng. Do đó hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải chịu sự chế tài của pháp luật

hình sự, theo điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Để có một hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội đối với bị cáo, HĐXX nhận định: Bị cáo Nguyễn Văn Đ tuy chưa có tiền án, nhưng có nhân thân không tốt, là người có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 27/02/2024 bị Công an phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ *thành khẩn khai báo*. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Để đấu tranh và phòng ngừa với các tội phạm về ma túy, xét thấy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với đối tượng tên T mà bị cáo Nguyễn Văn Đ khai là người đã bán ma túy cho Đ, nhưng không biết rõ họ tên, lai lịch; Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa có kết quả nên chưa có căn cứ điều tra, xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét và xử lý sau là phù hợp.

Đối với chị Phạm Ngọc H1: Việc Đ đến nhà và tàng trữ ma túy trong người chị H1 không biết nên không xử lý hình sự đối với chị H1 là có căn cứ.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo, không có tài sản riêng, hành vi phạm tội không liên quan đến nghề nghiệp. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

+Chất ma túy còn lại sau giám định được dán kín trong 01 bì công văn ghi số 540/PC09 ngày 05/6/2024 có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, cần tịch thu tiêu hủy

+Chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu tím đen kèm thẻ sim (Mặt sim có dãy số 89840 48000 07869 3107) bị cáo sử dụng để liên lạc mua ma túy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước

[6] Về tiền án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

-Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** – 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (27/5/2024).

-Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

+ Tịch thu tiêu hủy:

Chất ma túy còn lại sau giám định trong 01 bì công văn ghi số 540/PC09 ngày 05/6/2024, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai

+Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

Chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu tím đen kèm thẻ sim (Mặt sim có dãy số 89840 48000 07869 3107).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/9/2024 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai).

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Bị cáo;
- Thi hành án Dân sự thành phố P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Tiến